

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới (sau đây viết tắt là *Quyết định số 1538/QĐ-TTg*), UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Từng bước khắc phục các tồn tại, hạn chế; cụ thể hóa trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trong phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng việc làm, phát triển kỹ năng và kết nối cung - cầu lao động.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch được tiến hành đồng bộ, toàn diện, kịp thời, hiệu quả, bám sát nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 và gắn với việc triển khai thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đang được triển khai trên địa bàn; bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị và phù hợp với điều kiện thực tiễn

của tỉnh.

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo chỉ đạo và tổ chức thực hiện; tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, các đơn vị liên quan trong kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Xác định nâng cao chất lượng nguồn lao động, tạo việc làm bền vững và đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, liên ngành, thường xuyên và lâu dài; được đặt trong tổng thể đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế; bảo đảm người lao động là trung tâm, chủ thể, nguồn lực và mục tiêu của phát triển.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện

a) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai nghiêm túc, hiệu quả Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng, Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của các cấp, các ngành trong phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng việc làm, phát triển kỹ năng và kết nối cung - cầu lao động.

c) Tổ chức triển khai kịp thời, đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp được giao, chủ động bố trí, cân đối nguồn lực, rà soát, lồng ghép triển khai nhiệm vụ, giải pháp, các chương trình tạo việc làm bền vững cho thanh niên, lao động nông thôn, lao động đô thị phi chính thức, lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số, lao động bị tác động bởi chuyển đổi số, tự động hóa; lồng ghép chính sách việc làm công trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm thực hiện có hiệu quả.

2. Tạo việc làm bền vững ở đô thị gắn với mô hình tăng trưởng mới, phát triển doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sống

a) Phát triển mạnh cầu lao động tại đô thị thông qua thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, nhất là kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, logistics, thương mại điện tử, dịch vụ chất lượng cao, kinh tế số, kinh tế xanh và các ngành có giá trị gia tăng cao; gắn quy hoạch và tổ chức không gian phát triển với mục tiêu tạo việc làm bền vững, phân bổ hợp lý việc làm và nguồn nhân lực.

b) Thu hút, ưu đãi các dự án đầu tư tạo việc làm có năng suất, giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, có hoạt động chuyển giao công nghệ và đào tạo người lao động; hạn chế các dự án chủ yếu dựa vào lao động giản đơn, tiêu hao nhiều tài nguyên và năng lượng.

c) Rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, dự án lớn và công trình trọng điểm; xây dựng phương án đào tạo, kết nối, điều tiết và thu hút lao động, không để tình trạng thiếu hụt nhân lực làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

d) Phát triển mạnh khu vực việc làm chính thức; thực hiện chính sách hỗ trợ lao động phi chính thức, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất và doanh nghiệp siêu nhỏ chuyển sang hoạt động chính thức; bảo đảm người lao động được giao kết hợp đồng, tham gia bảo hiểm và được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

đ) Gắn tạo việc làm ở đô thị với nâng cao chất lượng sống, cân đối cung - cầu lao động; phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, nhà ở cho thuê, trường học, y tế cơ sở, giao thông công cộng, thiết chế văn hóa và dịch vụ thiết yếu tại các khu vực tập trung đông người lao động.

e) Nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ việc làm, tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với lao động đô thị, nhất là lao động phi chính thức, lao động mất việc làm hoặc có nguy cơ mất việc làm.

3. Tạo việc làm bền vững ở nông thôn gắn với nâng cao giá trị lao động, thúc đẩy chuyển dịch lao động có kỹ năng và bảo đảm sinh kế bền vững

a) Chú trọng tạo việc làm tại chỗ, nâng cao giá trị việc làm trong nông nghiệp; chuyển mạnh từ sản xuất thô, năng suất thấp sang nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, xanh, hữu cơ, tuần hoàn, gắn với chế biến sâu, logistics hiện đại, thương mại điện tử, phát triển vùng nguyên liệu, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp và chuỗi giá trị.

b) Phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông, lâm, thủy sản, dịch vụ cơ khí, vận tải, thương mại, môi trường và năng lượng tái tạo; phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng và các ngành nghề phi nông nghiệp phù hợp với điều kiện từng vùng.

c) Phát triển các mô hình liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu và cơ sở đào tạo, gắn với thị trường đầu ra và khả năng tạo thu nhập cho người lao động; hỗ trợ nông dân tham gia ngày càng sâu vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi sản xuất, chế biến và phân phối sản phẩm; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị cho hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp nông nghiệp, nhất là năng lực quản trị chuỗi giá trị, chuyển đổi số và tiếp cận thị trường.

d) Đổi mới đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn với nhu cầu thị trường, việc làm và sinh kế; ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; lựa chọn nội dung, hình thức đào tạo phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh và đặc điểm của từng nhóm lao động.

đ) Thúc đẩy chuyển dịch lao động nông thôn; mở rộng cơ hội chuyển sang làm nông nghiệp hiện đại, công nghiệp, dịch vụ tại chỗ, tham gia chuỗi giá trị vùng, làm việc ở đô thị hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

e) Trang bị cho lao động nông thôn kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỷ luật lao động, kiến thức pháp luật và khả năng tiếp cận bảo hiểm, tín dụng, thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm; khuyến khích phát triển đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, nông dân số và lao động kỹ thuật chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

4. Tạo việc làm bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với khơi dậy nội lực, giảm nghèo bền vững và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

a) Đổi mới công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề và phát triển kỹ năng theo hướng gắn với sinh kế, điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sản xuất và nhu cầu thị trường của từng vùng, từng dân tộc, từng cộng đồng; không áp đặt mô hình chung, không tổ chức đào tạo theo phong trào, hình thức. Đánh giá hiệu quả đào tạo gắn với kết quả tạo việc làm, khả năng tiêu thụ sản phẩm và cải thiện thu nhập của người dân.

b) Tập trung phát triển các ngành, nghề có tiềm năng như nông nghiệp đặc sản, kinh tế rừng, dược liệu, chăn nuôi, thủ công truyền thống, du lịch cộng đồng, dịch vụ biên mậu, thương mại điện tử và các sản phẩm địa phương.

c) Mở rộng kết nối thị trường và dịch vụ việc làm cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ về hạ tầng, tín dụng, thông tin, đào tạo, tư vấn pháp luật, kỹ thuật sản xuất, xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng, liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm.

d) Thúc đẩy tạo việc làm an toàn tại chỗ; đồng thời hỗ trợ người lao động có nhu cầu đi làm việc tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, địa phương khác hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

đ) Phòng ngừa, hạn chế tình trạng di cư tự do, lao động bấp bênh, bị lạm dụng, lừa đảo hoặc thiếu khả năng tiếp cận các chính sách việc làm, đào tạo, bảo hiểm và an sinh xã hội.

e) Gắn tạo việc làm với bảo tồn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái, giữ biên cương, bảo đảm an ninh, trật tự và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

5. Đổi mới đào tạo nguồn nhân lực gắn với xây dựng hệ thống phát triển kỹ năng quốc gia, chuyển từ đáp ứng nhu cầu trước mắt sang chuẩn bị năng lực cạnh tranh dài hạn của quốc gia

a) Đổi mới mạnh mẽ công tác phân luồng, hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ứng dụng, thực hành, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thị trường lao động và doanh nghiệp; phối hợp xây dựng, hoàn thiện cơ chế liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

b) Nghiên cứu, phát triển mô hình trung học nghề phù hợp; nâng cao vị thế, thu nhập và cơ hội phát triển nghề nghiệp của lao động kỹ thuật, từng bước đưa giáo dục nghề nghiệp trở thành lựa chọn phù hợp, hấp dẫn đối với người học.

c) Nghiên cứu, phát triển mô hình đào tạo nghề kép, kết hợp đào tạo kiến thức, kỹ năng cơ bản tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp với đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, cử chuyên gia hướng dẫn, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng người học sau đào tạo.

d) Chú trọng đào tạo theo nhu cầu và đặt hàng của doanh nghiệp, bộ, ngành, địa phương; các bộ quản lý ngành định hướng, xác định nhu cầu nhân lực; địa phương xác định nhu cầu theo quy hoạch và không gian phát triển; doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tổ chức thực hành, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng.

đ) Tăng cường cơ chế liên kết giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp; phát huy vai trò trung tâm của doanh nghiệp trong đặt hàng, tổ chức thực hành và đánh giá chất lượng đầu ra.

e) Đẩy mạnh đánh giá, công nhận kỹ năng nghề, công nhận kết quả học tập và kinh nghiệm làm việc; phát triển hồ sơ kỹ năng của người lao động để tích lũy, cập nhật và chuyển đổi kỹ năng trong suốt quá trình làm việc.

g) Phát triển mạnh công tác đào tạo lại, đào tạo nâng cao và học tập suốt đời; hỗ trợ người lao động thường xuyên học tập, tích lũy chứng chỉ, tín chỉ kỹ năng, đáp ứng yêu cầu số hóa, xanh hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu và tái cấu trúc việc làm.

h) Xác định cụ thể nhu cầu, nội dung đào tạo theo từng ngành, nghề, trình độ, trong đó ưu tiên công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ số, bán dẫn, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, dịch vụ hiện đại và các nghề phù hợp với sinh kế tại chỗ.

i) Từng bước đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực cho đào tạo theo hướng gắn với tỷ lệ có việc làm, mức thu nhập sau đào tạo, mức độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và hiệu quả sử dụng lao động.

6. Mở rộng các kênh tạo việc làm, nâng cao kỹ năng của người lao động và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội

a) Nâng cao hiệu quả đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; ưu tiên phát triển các thị trường, ngành nghề có thu nhập, điều kiện làm việc và yêu cầu kỹ năng cao; tăng cường quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

b) Tăng cường kết nối người lao động sau khi hoàn thành hợp đồng ở nước ngoài trở về với doanh nghiệp, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, chương trình khởi nghiệp; công nhận và phát huy kỹ năng, kinh nghiệm, ngoại ngữ, vốn và tác phong tích lũy được ở nước ngoài.

c) Thu hút, tuyển dụng, sử dụng và trọng dụng chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài, nhân tài, lao động kỹ thuật cao, nhà quản lý, giảng viên, huấn luyện viên nghề và chuyên gia vận hành dự án công nghệ cao.

d) Gắn thu hút chuyên gia, nhân tài và lao động kỹ thuật cao với chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực trong nước, phát triển kỹ năng và nâng cấp vị trí của lao động Việt Nam trong chuỗi giá trị.

đ) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động; tăng cường kết nối, chia sẻ, đối soát, xác thực và khai thác dữ liệu về người lao động, việc làm, doanh nghiệp, giáo dục, đào tạo và bảo hiểm xã hội.

e) Rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng nguồn lao động theo ngành, nghề, trình độ, vùng và địa phương; xây dựng, cập nhật bản đồ thiếu hụt lao động và kỹ năng, trong đó có đô thị, nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

g) Nâng cao năng lực thu thập, phân tích, đánh giá và dự báo nhu cầu nhân lực, kỹ năng nghề theo ngành, lĩnh vực, vùng và địa phương; cung cấp kịp thời thông tin phục vụ hoạch định chính sách, đào tạo và điều tiết thị trường lao động.

h) Phát triển Sàn giao dịch việc làm quốc gia, sàn giao dịch việc làm tỉnh, hiện đại hóa trung tâm dịch vụ việc làm; mở rộng các dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp.

i) Thường xuyên đánh giá, tổng kết việc triển khai các nhiệm vụ được giao để tham mưu xây dựng thị trường lao động hiện đại, minh bạch, linh hoạt, hội nhập.

7. Thực hiện phối hợp rà soát, xây dựng hoàn thiện các cơ chế, chính sách của Trung ương theo đề nghị của các Bộ, ngành.

(Phân công nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ các nguồn:

a) Nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Các khoản viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

c) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành và địa phương chủ động bố trí kinh phí hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ cụ thể được giao tại Kế hoạch này và Phụ lục kèm theo, xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện; phân công rõ trách nhiệm, lộ trình, tiến độ thực hiện; chủ động bố trí nguồn lực và các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

b) Định kỳ hằng năm, trước ngày 05 tháng 12, hoặc đột xuất khi có yêu cầu, gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định; chủ động báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) về những khó khăn, vướng mắc phát sinh để kịp thời xem xét, chỉ đạo giải quyết.

c) Trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch của cơ quan, đơn vị, chủ động rà soát, lồng ghép nhiệm vụ với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền ban hành liên quan đến phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững, giáo dục, đào tạo, giảm nghèo, phát triển thị trường lao động và chuyển đổi số, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, xây dựng báo cáo của UBND tỉnh theo quy định; kịp thời tổng hợp, đề xuất, kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh,
- Các phòng, ban, TTPVHCC, TTT;
- Lưu: VT, KGVX (TTPL).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Nhàn